

Mẫu số 10: Mẫu văn bản chấm dứt hiệu lực Giấy phép cấp cho tàu biển phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện giao thông đường bộ và các lực lượng đi kèm

**Tên cơ quan chủ quản cấp
trên**

Tên cơ quan cấp giấy phép

Name of lead agency

Name of licensing agency

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

Ngày/Date:

Số phép/Permit number:

Kính gửi: Tổ chức cá nhân nước ngoài có phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam

To: Organization, personnel with foreign means of transport, foreign forces to participate in search and rescue in Viet Nam

CHẤM DỨT HIỆU LỰC CỦA GIẤY PHÉP CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN, LỰC LƯỢNG ĐI KÈM THEO PHƯƠNG TIỆN NƯỚC NGOÀI THAM GIA TÌM KIẾM, CỨU NẠN TẠI VIỆT NAM

Termination of permit for foreign means of transport, foreign forces to participate in search and rescue in Viet Nam

1. Tổ chức, cá nhân đã được cấp phép:

Organization, individual

- Địa chỉ:

Address

- Số điện thoại: Fax:

Phone number

- Địa chỉ thư điện tử:

Email address

- Quốc tịch:

Nationality

- Hộ chiếu:

Passport number

2. Loại phương tiện:
Type of transportation

- Số lượng:
Quantity

- Năm sản xuất:
Year of production

3. Số đăng ký:
Registration number

4. Số người điều khiển phương tiện:
Number of operators

5. Số nhân viên chuyên trách tìm kiếm, cứu nạn:
Number of search and rescue personnel

- Chỉ huy trưởng (Họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu):
Commander (Full name, nationality, passport number)

6. Trang, thiết bị phục vụ tìm kiếm, cứu nạn:
Search and rescue equipment

7. Vật tư: Materials

8. Khu vực tìm kiếm, cứu nạn giới hạn bởi các điểm có tọa độ;
Search and rescue area limited by the following co-ordinates

A:N;E.
.....E.

B:N;
.....E.

C:N;E.
.....E.

D:N;

Hoặc tên địa danh (Phường/Xã, Quận, Tỉnh/Thành phố, Cảng...)
Or specific locations (Ward/Commune, District, City/Province., Port.):

9. Cửa khẩu vào: cửa khẩu ra:
Border gate of Entry Border gate of Exit

10. Chấm dứt hiệu lực của Giấy phép số ngày... tháng năm.....
Termination of permit No date month year:

11. Lý do chấm dứt:
Reason of termination

12. Thời gian chấm dứt từ ngày:
Time of termination from

Ngày tháng năm

.....
Date Month Year

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

DULY AUTHORISED OFFICIAL

(ký tên và đóng dấu)

(signed and stamped)